

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 736/TTr-TNMT ngày 07/11/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang, địa chỉ tại số 01 đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động”, địa chỉ tại thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Mã số thuế: 2400389673

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm y tế huyện Sơn Động có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án đầu tư mở rộng trên diện tích khoảng 01 ha giáp với Trung tâm y tế huyện Sơn Động (hiện trạng) thuộc địa bàn tại thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, gồm các hạng mục công trình đầu tư xây dựng mới sau: Khối nhà trung tâm cao 06 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 6.180 m<sup>2</sup> để bố trí cho các khoa: Khoa hồi sức cấp cứu,

chống độc; khoa phụ sản; khoa ngoại; khoa liên chuyên khoa; khoa phẫu thuật-gây mê hồi sức ; khu lọc máu và các công trình phụ trợ khác như: Nhà trạm oxy, khí y tế trung tâm; sân lát gạch, đường bê tông, bó vỉa; bồn hoa khuôn viên; trạm biến áp, máy phát điện; bể nước PCCC; cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, PCCC.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Đầu tư mở rộng Trung tâm y tế huyện Sơn Động, xây dựng mới khối nhà hành chính và điều trị nội trú dự kiến xây dựng đáp ứng 06 khoa, phòng (gồm cả khối hành chính) với 121 giường bệnh. Các khoa, phòng gồm: Khoa hồi sức cấp cứu + chống độc, khoa lọc máu, Khoa sản, khoa Ngoại, liên chuyên khoa, khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, khối hành chính quản trị. Sau khi mở rộng, nâng công suất Trung tâm y tế huyện Sơn Động đảm bảo tiêu chuẩn quy mô 186 giường bệnh theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc Quyết định chủ trương dự án Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động.

Mục tiêu xây dựng Trung tâm Y tế huyện Sơn Động là Trung tâm Y tế hạng II đến năm 2025 có quy mô 186 giường bệnh; cơ sở vật chất đồng bộ, khang trang, trang thiết bị hiện đại cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh; đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Đời sống vật chất, tinh thần ngày một nâng cao, môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết để đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân các dân tộc trong huyện và các địa bàn lân cận

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhầm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Động” tại xã An Châu (nay là thị trấn An Châu), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang do Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Động (nay là Trung tâm y tế huyện Sơn Động) làm chủ cơ sở và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Sơn Động, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động” tại thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Y tế; UBND huyện Sơn Động, UBND thị trấn An Châu; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang; Trung tâm Y tế huyện Sơn Động và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên y tế trong trung tâm, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vãng lai.
- Nguồn số 2: Nước thải từ các phòng xét nghiệm.
- Nguồn số 3: Nước thải từ các hoạt động khác, bao gồm nước thải phát sinh từ các phòng khám, khu nhà giặt là.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của khu vực tại phía Nam dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là khu vực cánh đồng thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động theo phương thức tự chảy.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

Vị trí xả nước thải: 01 điểm đầu nối nước thải của dự án với mương thoát nước hiện trạng tại phía Nam dự án (sau khi xây dựng mở rộng, mương được cải tạo thành cống thoát nước), vị trí đầu nối cách trạm xử lý nước thải 10m, sau đó đổ thải ra mương đất thuộc cánh đồng thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động. Điểm xả thải nằm ở phía Nam của trung tâm y tế, cách trạm xử lý nước thải khoảng 10m.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X=2359713; Y=483569

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; tương đương với khoảng 6,25 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B được thoát ra mương thoát nước hiện trạng (sau khi xây dựng mở rộng, mương được cải tạo thành cống thoát nước) bằng đường ống HDPE D300, chiều dài đường ống đến điểm đầu nối khoảng 10m, theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi thoát ra mương thoát nước (sau khi xây dựng mở rộng, mương được cải tạo thành cống thoát nước) thuộc cánh đồng thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5-8,5	-
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibro cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

\* Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải y tế thông thường.

- Thoát nước trong nhà:

+ Đường ống thoát nước thải vệ sinh:

Nước thải nhà vệ sinh ở các khu vực được thu gom bằng đường ống HDPE D110, D125, D140, D160, D200 dẫn về các bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm bên

dưới các tòa nhà. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được thu gom bằng đường ống HDPE D400 sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m<sup>3</sup>/ngày đêm của Trung tâm y tế sau đó thoát về hệ thống thoát nước thải chung của khu vực sau đó thoát ra ngoài môi trường.

Đối với nước thải y tế, chậu rửa lavabo: Phát sinh tại bệnh viện từ quá trình rửa tay chân, khám chữa bệnh, xét nghiệm, phẫu thuật và quá trình vệ sinh dụng cụ y tế. Nước thải y tế được thu gom vào các ống thoát nước rửa có đường kính D76, D90, D110, D125, độ dốc 5% về ống đứng thoát nước chung xuyên suốt các tầng sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung qua đường ống thu gom nước thải chung HDPE D400.

- Hệ thống thoát nước ngoài nhà:

+ Nước mưa từ mái: Thu gom qua đường ống nhựa PVC D110-D140, chảy xuống rãnh thoát nước mặt trong khuôn viên Trung tâm y tế, sau đó lắng cặn tại các hố ga trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được bằng hệ thống rãnh B400 và thu về hạ thống cống D400 rồi thoát ra cống thoát hiện trạng cạnh trục đường QL31.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải trung tâm y tế (sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại) → hố ga gom nước thải → bể tách rác, tách cặn → Bể điều hòa/bơm nước thải → Bể yếm khí (Anarobic) → bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí MBR (Oxic) → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B → Hệ thống thoát nước thải của dự án → mương thoát nước hiện trạng thuộc Cánh đồng thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Công nghệ xử lý: Thiết bị xử lý hợp khối áp dụng công nghệ AAO nhiều bậc (2 bậc).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải, có lúc máy bơm, hệ thống cấp khí, hệ thống điện,... bị hư hỏng, không thể hoạt động được, dẫn đến chất lượng nước xử lý không đạt quy chuẩn. Vì vậy, để giảm thiểu các rủi ro, sự cố từ hệ trạm xử lý nước thải, thực hiện các giải pháp sau:

\* Biện pháp phòng ngừa:

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ trạm xử lý nước thải và từng công trình đơn vị. Trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành trạm xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành hệ thống đúng quy trình;

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

\* Biện pháp ứng phó:

- Khi sự cố của trạm xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời.

- Các sự cố về sinh khối: Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, chủ dự án sẽ đề xuất giải pháp thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 02 tháng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2025 đến ngày 01/8/2025)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Nước thải đầu vào	pH, BOD5 (20 <sup>0</sup> C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae	Lấy 01 mẫu đơn. Thời gian dự kiến lấy mẫu ngày 15/6/2025	01 mẫu	QCVN 28:2010/BTNMT cột B
Nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải		Lấy mẫu 01 lần/ngày, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Lần 1: Ngày 15/6/2025 Lần 2: Ngày 16/6/2025 Lần 3: Ngày 17/6/2025	03 mẫu	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào mương thoát nước (sau khi xây dựng mở rộng, mương được cải tạo thành công thoát nước) thuộc thôn Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

#### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO**  
**VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt chất thải rắn y tế

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Dòng khí thải số 1: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải rắn y tế

2.1.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải rắn y tế.

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiều 3): X=2359794, Y=483586

2.1.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000m<sup>3</sup>/giờ tương đương 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (thời gian vận hành lò đốt: 01 giờ/ngày).

2.1.2.1. Phương thức xả khí thải: xả khí thải gián đoạn (khi vận hành lò đốt tần suất 02 ngày/lần).

2.1.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt với QCVN 02:2012/BTNMT cột B về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN28:2010/BTNMT, Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	150	115	-
2	Axít clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50	50	
3	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	350	200	
4	Lưu huỳnh dioxyt, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300	300	
5	Nitơ oxyt, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	500	300	
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,5	0,5	

7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,2	0,16	
8	Chì và các hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,5	1,2	
9	Tổng Dioxin/furan, PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	2,3	2,3	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khói thải ra sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được hạ nhiệt, sau đó dẫn qua ống dẫn khói thải được xử lý bằng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch nước vôi trong Ca(OH)<sub>2</sub>, khí thải được xử lý một phần, sau đó được tiếp tục xử lý bằng phương pháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính), sau khi xử lý các khí thải độc hại được xử lý hoàn toàn thì dòng khí sau xử lý được quạt hút đưa ra ống khói thoát ra ngoài môi trường. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 02:2012/BTNMT, cột B trước khi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ lò đốt chất thải y tế → Hấp thụ (dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub>) → Hấp phụ (than hoạt tính) → Ống khói.

- Công suất: 10.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Ca(OH)<sub>2</sub>: 1.000 lít/tháng;

+ Than hoạt tính: 300 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị hút, thoát khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi qua trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố phải tìm nguyên nhân và tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.
- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** nguồn từ hệ thống máy phát điện.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Vị trí tại máy phát điện. Tọa độ X=2359694, Y= 483504 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không quy định	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không quy định	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đối với máy phát điện:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng.

+ Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện lưới. Đặt trong phòng kín cách xa khu vực phòng bệnh nhân và nơi đông người qua lại;

+ Xây dựng tường bao quanh để cách âm và có cửa cách âm. Đặt cố định, chắc chắn để chống rung.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

- Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm phát sinh khoảng: 5560 kg/năm; trong đó:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn phát sinh khoảng: 278 kg/năm

+ Chất thải lây nhiễm khác: 5.282 kg/năm

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên

- Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất phát sinh khoảng: 5 kg/năm;

- Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi (Cd) phát sinh khoảng: 4 kg/năm;

- Pin, ắc quy thải bỏ phát sinh khoảng 3kg/năm;

- Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất phát sinh khoảng 3kg/năm;

- Bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh khoảng 3 kg/năm;

- Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại phát sinh khoảng: 7 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

\* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, nhân viên trong trung tâm, và từ các bệnh nhân đến thăm khám ngoại trú giai đoạn hoạt động tổng thể phát sinh khoảng 360 kg/ngày.

\* Khối lượng chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chuyên môn không dính máu, dịch sinh học và các chất hoá học nguy hại (Chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, vỏ hộp thuốc bằng bìa cát tông,...) phát sinh khoảng: 20 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát sinh từ công việc hành chính (Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon, túi đựng phim) phát sinh khoảng: 2 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

## 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm

#### \* Thiết bị lưu chứa:

##### - Thùng chứa:

+ Số lượng: khoảng 26 thùng chứa các loại (08 hộp kháng thùng dung tích 5 lít/hộp, 18 thùng dung tích 25 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu vàng, có nắp đậy, có lót túi nilong màu vàng;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng kháng thùng 5 lít có thể chứa khoảng 4kg chất thải; thùng chứa 25 lít có thể chứa khoảng 20 kg chất thải.

#### \* Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa màu vàng có lót túi nilong màu vàng dung tích 120 lít/thùng.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: Chất thải lây nhiễm được lưu giữ tạm thời tại nhà rác, trong ngăn lưu giữ chất thải lây nhiễm rộng 20m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

### 2.1.2. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần không lây nhiễm

#### \* Thiết bị lưu chứa

##### - Thùng chứa:

+ Số lượng: 10 thùng chứa các loại (8 thùng chứa dung tích 25 lít/thùng và 02 thùng chứa chất lỏng dung tích 5 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu đen, có nắp đậy, có lót túi nilong màu đen;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 25 lít có thể chứa khoảng 20kg chất thải; thùng chứa chất lỏng 5 lít có thể chứa khoảng 4 lít chất lỏng.

#### \* Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Thiết bị lưu chứa: 08 thùng chứa màu đen lót túi nilong, có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà rác: ngăn lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm rộng 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

#### \* Thiết bị lưu chứa

##### - Thùng chứa:

+ Số lượng: 52 thùng chứa các loại, mỗi khoa phòng đặt 01 thùng chứa màu xanh và 01 thùng chứa màu trắng có dung tích phù hợp (40 thùng chứa loại 30 lít/thùng, 10 thùng chứa loại 60 lít/thùng, 02 thùng chứa loại 120 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy màu xanh có lót túi nilong màu xanh đựng chất thải thông thường (chất thải sinh hoạt, không tái chế) và thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy màu trắng có lót túi nilong màu trắng đựng chất thải tái chế.

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 30 lít có thể chứa khoảng 25kg chất thải; thùng chứa 60 lít có thể chứa được 50 kg chất thải; thùng chứa 120 lít có thể chứa được 110 kg chất thải.

\* Khu vực lưu chứa trong nhà

- Ngăn lưu chứa chất thải rắn thông thường rộng 20 m<sup>2</sup>. Thiết bị lưu chứa: 2 thùng màu xanh có nắp đậy, dung tích 120 Lít/thùng

- Ngăn lưu chứa chất thải tái chế rộng 20 m<sup>2</sup>. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa màu trắng có nắp đậy, dung tích 120 Lít/thùng

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao và ngăn cách với ngăn khác bằng vách ngăn, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động đốt rác thải, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /11/2022 của UBND tỉnh)

**Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B, trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước của khu vực, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 02:2012/BTNMT cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 736/TTr-TNMT ngày 07/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.